

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 16-3-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương
2. Ông Nguyễn Đức Nhuận

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng; Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường L, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đ Q D, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 48, Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. ***Bị đơn:*** Ông Ng H Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 486, khu phố H, phường H, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà L Th Th L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 486, khu phố H, phường H, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Quốc Dũng trình bày:

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2014 ông Ng H Đ có ký hợp đồng tín dụng số 20140712-104026-0014 với Ngân hàng vay số tiền 26.250.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 5.00%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 41.259.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 19 tháng; 18 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.173.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.145.000 đồng. Thanh toán vào ngày 15 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 15 tháng 8 năm 2014. Thực hiện hợp đồng, ông Đ đã nhận đủ tiền và đã thanh toán cho Ngân hàng 12 lần số tiền là 26.076.000 đồng. Kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2015 đến nay, ông Đ không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do ông Đ trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần số tiền 15.183.000 đồng (trong đó nợ gốc 12.553.318 đồng; nợ lãi 2.629.682 đồng).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Điều lệ; Quyết định số 9898-2014/QĐBN-TDTD/NS ngày 01 tháng 10 năm 2014; văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 6 năm 2017; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp + giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh; đơn đề nghị mở tài khoản ngày 11 tháng 7 năm 2014; sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của ông Đ; kế hoạch trả nợ; lịch sử thanh toán; xác nhận giải ngân của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ngày 02 tháng 01 năm 2020; danh sách các khách hàng của ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đã nhận tiền giải ngân qua hệ thống Bưu điện Việt Nam.

Bị đơn ông Ng H Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L Th Th L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đến Tòa án làm việc vào ngày 20 tháng 01 năm 2020; thông báo hòa giải lần 1 và giấy triệu tập đến Tòa án hòa giải ngày 31 tháng 01 năm 2020; thông báo hòa giải lần 2 và giấy triệu tập đến Tòa án hòa giải ngày 11 tháng 02 năm 2020; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tòa án tham gia phiên tòa ngày 03 tháng 3 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa ngày 16 tháng 3 năm 2020. Tuy nhiên, ông Đ, bà L vắng mặt không rõ lý do.

Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày nộp đơn khởi kiện và lãi suất chậm thi hành án theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ng H Đ; địa chỉ: Số 486, khu phố H, phường H, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương trả nợ vay và lãi suất do chậm trả. Xét, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Ng H Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L Th Th L theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Đ, bà L không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông Đ, bà L trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đ Q D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà L, ông D theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ng H Đ phải thanh toán số tiền 15.183.000 đồng (trong đó nợ gốc 12.553.318 đồng; nợ lãi tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 2.629.682 đồng). Ngân hàng cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là đơn đề nghị mở tài khoản ngày 11 tháng 7 năm 2014; bản xác nhận giải ngân cho khách hàng ngày 02 tháng 01 năm 2020; danh sách các khách hàng của ngân hàng đã nhận tiền giải ngân qua hệ thống Bưu điện Việt Nam.

[4] Theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11 tháng 7 năm 2014 thì nguyên đơn Ngân hàng cho bị đơn ông Ng H Đ vay số tiền 26.250.000 đồng (trong đó nợ vay 25.000.000 đồng; tiền bảo hiểm ông Đ phải nộp là 5% tương đương với số tiền 1.250.000 đồng); lãi suất 5,00%/tháng; thời hạn trả chậm liên tiếp trong vòng 19 tháng. Theo hợp đồng thì ông Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền 41.259.000 đồng (gồm cả gốc và lãi). Thực hiện hợp đồng, ông Đ đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi, tiền gốc được 12 lần với tổng số tiền 26.076.000 đồng, còn nợ số tiền

15.183.000 đồng. Xét quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 12.553.318 đồng và nợ lãi tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 2.629.682 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu ông Đ tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn trên số tiền 15.183.000 đồng đồng mà chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ng H Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Ng H Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Ng H Đ trả cho Ngân hàng số tiền 15.183.000 đồng (mười lăm triệu một trăm tám mươi ba ngàn đồng) (trong đó nợ gốc 12.553.318 đồng; nợ lãi 2.629.682 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ng H Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 759.150 đồng (bảy trăm năm mươi chín ngàn một trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 379.575 đồng (ba trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0046083 ngày 13 tháng 01 năm 2020 (do ông Đ Q D nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thị xã Thuận An,;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết